

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: **87/2025/TLST - DS ngày 14 tháng 11 năm 2025.**

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T sinh năm 1978; Địa chỉ: Xóm B, xã B, tỉnh Ninh Bình.

1.2. **Bị đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số nhà A, xóm K, xã P, tỉnh Ninh Bình.

1.3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ C, xóm K, xã P, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Trần Thị H1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Giao cho anh Trần Văn Đ quyền sử dụng diện tích 76,9m² đất ở tại đô thị (đất ở tại nông thôn sau sáp nhập) tại thửa đất số 270 tờ bản đồ số 1-16 bản đồ xã Phát Diệm năm 1996 nay là thửa đất số 270, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa

chính xã P chỉnh lý năm 2016 (nay là xã P). Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số PD 0727 cấp ngày 11 tháng 8 năm 1998 mang tên ông Trần Văn N. Địa chỉ thửa đất tại xóm K, xã P, tỉnh Ninh Bình. Anh Trần Văn Đ được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản xây dựng trên thửa đất. Tổng giá trị nhà đất theo kết quả thẩm định, định giá tài sản là 3.991.590.000 đồng.

Anh Trần Văn Đ có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho những người thừa kế còn lại như sau:

Thanh toán cho chị Trần Thị T số tiền 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*). Anh Đ đã thanh toán xong cho chị T vào ngày 11/02/2026.

Thanh toán cho chị Trần Thị H số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Anh Đ đã thanh toán đủ cho chị H số tiền 350.000.000 đồng vào ngày 11 tháng 02 năm 2026.

Thanh toán cho chị Trần Thị H1 số tiền 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*). Anh Đ thanh toán cho chị H1 vào ngày 01/03/2026.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung các bên đã thỏa thuận phân chia.

Kể từ ngày 01/03/2026 nếu anh Trần Văn Đ không thanh toán số tiền nêu trên và chị Trần Thị H1 có đơn yêu cầu thi hành án anh Trần Văn Đ còn phải chịu tiền lãi suất chậm trả trên tổng số tiền phải thi hành án theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá số tiền lãi suất theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Anh Trần Văn Đ phải nộp 37.415.900 đồng (*Ba mươi bảy triệu bốn trăm mười lăm nghìn chín trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

- Chị Trần Thị H1 phải nộp 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

- Chị Trần Thị H phải nộp 8.750.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

- Chị Trần Thị T phải nộp 17.000.000 đồng (*mười bảy triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002852 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Trần Thị T còn phải nộp 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được ban hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình.
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Khanh